**Bảng so sánh quy định của Nghị định số 99/2011/NĐ-CP và Nghị định số 55/2024/NĐ-CP**

**về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung**

*(Đính kèm tin bài Những điểm mới của Nghị định số 55/2024/NĐ-CP*

*quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 về*

*hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Nghị định số 99/2011/NĐ-CP** | **Nghị định số 55/2024/NĐ-CP** |
| Yêu cầu đối với hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung | Điều 7. Yêu cầu chung đối với hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung  Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung phải được lập thành văn bản và phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:  1. Ngôn ngữ sử dụng bằng tiếng Việt, nội dung phải rõ ràng, dễ hiểu; cỡ chữ ít nhất là 12.  2. Nền giấy và màu mực thể hiện nội dung hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung phải tương phản nhau. | Điều 6. Yêu cầu chung đối với hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  Hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau:  1. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và có thể thỏa thuận sử dụng thêm tiếng khác theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.  2. Trong trường hợp giao kết bằng văn bản giấy, cỡ chữ nhỏ nhất là 12 theo loại chữ Times New Roman hoặc kích cỡ tương đương.  3. Màu chữ và màu nền thể hiện nội dung văn bản phải tương phản nhau.  4. Bố cục, thiết kế văn bản phải rõ ràng, dễ theo dõi.  5. Nội dung phải rõ ràng, dễ hiểu và phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. |
| Trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung | Điều 8. Trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  1. Trước khi áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thực hiện việc đăng ký theo quy định của Nghị định này.  2. Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung chỉ được áp dụng đối với người tiêu dùng khi việc đăng ký được hoàn thành theo quy định tại Điều 14 Nghị định này. | Điều 7. Trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  1. Trước khi sử dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký do Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi để giao kết với người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thực hiện việc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của Nghị định này.  2. Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung chỉ được sử dụng để giao kết hoặc áp dụng đối với người tiêu dùng khi việc đăng ký được hoàn thành theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định này. Trong trường hợp người tiêu dùng thanh toán trước khi giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung hoặc thực hiện việc đặt cọc, ký quỹ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác liên quan đến việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải hoàn thành việc đăng ký và công khai hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung để người tiêu dùng biết về nội dung của các văn bản này theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định này trước khi thực hiện việc thanh toán hoặc các biện pháp nêu trên.  3. Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, tổ chức, cá nhân kinh doanh có hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký do Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình đăng ký và áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tới cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. |
| Thẩm quyền kiểm soát | Điều 9. Thẩm quyền tiếp nhận đăng ký  1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm tiếp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung áp dụng trên phạm vi cả nước hoặc áp dụng trên phạm vi từ hai tỉnh trở lên.  2. Sở Công Thương chịu trách nhiệm tiếp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung áp dụng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | Điều 14. Thẩm quyền kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  1. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công Thương có thẩm quyền kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được áp dụng trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.  2. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được áp dụng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó.  3. Kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bao gồm việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký do Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi và kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không thuộc phạm vi phải đăng ký. |
| Hồ sơ và hình thức đăng ký | Điều 10. Hồ sơ và hình thức đăng ký  1. Hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bao gồm các tài liệu sau:  a) Đơn đăng ký nêu rõ địa chỉ, ngành nghề kinh doanh của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Bộ Công Thương hướng dẫn mẫu đơn đăng ký;  b) Dự thảo hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.  2. Hồ sơ đăng ký có thể gửi trực tiếp, gửi bằng bưu điện hoặc gửi bằng phương tiện điện tử với số lượng một (01) bộ cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Nghị định này.  3. Trường hợp hồ sơ đăng ký được gửi trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải lập biên bản tiếp nhận, ngày tiếp nhận hồ sơ là ngày ghi trong biên bản tiếp nhận đó. Trong trường hợp hồ sơ đăng ký gửi bằng đường bưu điện, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo dấu của bưu điện. Trường hợp hồ sơ gửi bằng phương tiện điện tử, thời điểm tiếp nhận hồ sơ được tính từ thời điểm xác nhận bằng thông điệp điện tử của cơ quan có thẩm quyền đăng ký được gửi đi. | Điều 8. Hồ sơ và hình thức đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  1. Hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bao gồm các tài liệu sau đây:  a) Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;  b) Dự thảo hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bằng tiếng Việt.  2. Hồ sơ đăng ký có thể nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử với số lượng 01 bộ cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này. |
| Tiếp nhận hồ sơ | Điều 11. Yêu cầu bổ sung hồ sơ  1. Trường hợp hồ sơ đăng ký không đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh bổ sung hồ sơ, tài liệu.  2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung hồ sơ, tài liệu trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. | Điều 9. Tiếp nhận hồ sơ  1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ được nhận phiếu tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thời gian nhận và ngày trả kết quả.  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký thông báo bằng văn bản theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để tổ chức, cá nhân kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định hồ sơ theo quy định tại Điều 10 của Nghị định này. |
| Thẩm định hồ sơ đăng ký | Điều 12. Xem xét hồ sơ đăng ký  1. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký tiến hành xem xét hồ sơ đăng ký kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 10 và 11 Nghị định này.  2. Trong quá trình xem xét hồ sơ đăng ký, cơ quan có thẩm quyền đăng ký có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh giải trình các vấn đề liên quan đến nội dung hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung.  3. Trong quá trình xem xét hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung cơ quan có thẩm quyền đăng ký có quyền tham vấn ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. | Điều 10. Thẩm định hồ sơ đăng ký  1. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký tiến hành thẩm định hồ sơ đăng ký trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này và có thể được gia hạn thêm tối đa không quá 30 ngày trong trường hợp phức tạp. Trong trường hợp gia hạn, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký thông báo kịp thời cho tổ chức, cá nhân kinh doanh về thời gian và lý do gia hạn.  2. Trong quá trình thẩm định hồ sơ đăng ký, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh giải trình về các vấn đề cần thiết liên quan đến nội dung đăng ký. |
| Phạm vi thẩm định | Điều 13. Phạm vi xem xét nội dung hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Nghị định này xem xét hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với các nội dung sau:  1. Nội dung không có hiệu lực quy định tại Điều 16 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.  2. Các quy định tại Điều 7 Nghị định này.  3. Sự phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nguyên tắc chung về giao kết hợp đồng. | Điều 11. Phạm vi thẩm định hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định này thẩm định hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với các nội dung sau:  1. Nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 23 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.  2. Nội dung không được phép quy định tại Điều 25 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.  3. Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đối với hợp đồng theo mẫu trong giao dịch từ xa.  4. Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đối với hợp đồng theo mẫu về cung cấp dịch vụ liên tục.  5. Nội dung quy định tại Điều 6 của Nghị định này. |
| Hoàn thành việc đăng ký | Điều 14. Hoàn thành việc đăng ký  1. Chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền đăng ký có trách nhiệm ra thông báo về việc chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và gửi cho tổ chức, cá nhân kinh doanh. Trong trường hợp không chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải gửi văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân kinh doanh trong đó nói rõ lý do không chấp nhận.  2. Sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được công bố công khai và lưu trữ trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký.  3. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc lưu hành các hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung đã đăng ký. | Điều 12. Hoàn thành việc đăng ký  1. Trường hợp hồ sơ của tổ chức, cá nhân kinh doanh tuân thủ đầy đủ quy định tại Điều 11 của Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký ra thông báo về việc hoàn thành đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ của tổ chức, cá nhân kinh doanh không tuân thủ đầy đủ quy định tại Điều 11 của Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký thông báo bằng văn bản kết quả thẩm định hồ sơ và nêu rõ lý do hồ sơ chưa hoàn thành đăng ký theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.  2. Sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký, thông tin về tổ chức, cá nhân kinh doanh và bản hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã hoàn thành đăng ký được công bố công khai và lưu trữ trên cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký. Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm công bố công khai thông báo hoàn thành đăng ký và bản hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã hoàn thành đăng ký theo hình thức niêm yết ở vị trí dễ nhìn thấy tại trụ sở, địa điểm kinh doanh và đăng tải trên cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) trong toàn bộ thời gian áp dụng bản hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đó. |
| Đăng ký lại | Điều 15. Đăng ký lại hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải đăng ký lại hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp sau:  a) Khi pháp luật thay đổi làm thay đổi nội dung của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;  b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh thay đổi nội dung hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.  2. Thủ tục đăng ký lại hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thực hiện như đăng ký lần đầu theo quy định của Nghị định này.  3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thông báo cho người tiêu dùng về việc thay đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung sau khi hoàn thành việc đăng ký lại. | Điều 13. Đăng ký lại hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải đăng ký lại hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp sau:  a) Khi pháp luật thay đổi làm thay đổi nội dung của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;  b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh thay đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;  c) Khi toàn bộ hoặc một phần hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bị hủy bỏ hoặc sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định này.  2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký lại hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và công bố công khai sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký lại như trường hợp đăng ký lần đầu theo quy định của Nghị định này. |
| Kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không thuộc phạm vi phải đăng ký | Điều 16. Kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không thuộc phạm vi phải đăng ký.  1. Trường hợp nội dung của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc trái với nguyên tắc chung về giao kết hợp đồng, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Nghị định này có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh phải sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm đó.  2. Trường hợp nội dung trong hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không rõ hoặc có nhiều cách hiểu khác nhau, cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh giải trình làm rõ các nội dung trong hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đó.  3. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm và thông báo cho người tiêu dùng đã giao kết hợp đồng. Trường hợp việc sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm dẫn đến điều khoản của hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, điều kiện giao dịch chung không có hiệu lực và phát sinh thiệt hại đối với người tiêu dùng thì xử lý theo quy định của pháp luật dân sự. | Điều 14. Thẩm quyền kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  3. Kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bao gồm việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký do Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi và kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không thuộc phạm vi phải đăng ký. |
| Hủy bỏ, sửa đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung |  | Điều 15. Hủy bỏ, sửa đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng  1. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định này tự mình hoặc theo đề nghị của người tiêu dùng hoặc tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh hủy bỏ hoặc sửa đổi toàn bộ hoặc một phần hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bất cứ lúc nào phát hiện hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.  2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong việc báo cáo, cung cấp thông tin, giải trình làm rõ các nội dung trong hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.  3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trừ trường hợp phức tạp thì được gia hạn thêm tối đa 90 ngày theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.  Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm nêu trên, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải công khai hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm theo hình thức niêm yết ở vị trí dễ nhìn thấy tại trụ sở, địa điểm kinh doanh và đăng tải trên cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) và phải thông báo cho người tiêu dùng đã giao kết hợp đồng để áp dụng điều kiện giao dịch chung mới và giao kết lại hợp đồng theo mẫu trong trường hợp người tiêu dùng có yêu cầu. |
| Phối hợp trong kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung |  | Điều 16. Phối hợp trong kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung  1. Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trước ngày 25 tháng 12 hằng năm, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho giai đoạn từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công Thương theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.  2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và có trách nhiệm trả lời đề nghị tham vấn của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tham vấn.  3. Theo yêu cầu đột xuất về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công Thương có thể đề nghị cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương phối hợp cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương có trách nhiệm phối hợp cung cấp đúng thời hạn và nội dung theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công Thương.  4. Hình thức báo cáo, phương thức gửi và nhận báo cáo tại Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. |